

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội quy định;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 395/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-VHXX ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội và hưu trí xã hội.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

c) Đối tượng bảo trợ xã hội và hưu trí xã hội hưởng chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng; hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng (gồm chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng, chế độ mai táng phí).

Điều 2. Mức chi, phương thức chi trả, nguồn kinh phí

1. Mức chi phí chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai bằng 0,85% trên tổng số tiền chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội.

2. Phương thức chi trả: Thực hiện chi trả qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán điện tử do pháp luật quy định hoặc chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 113/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh,
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN các xã, phường;
- Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành liên quan;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Văn Đạt